

QUY CHẾ TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHỐI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-CĐSL ngày tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế tuyển sinh này quy định về ngành, nghề đào tạo; thời gian tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh; hình thức tuyển sinh; chính sách ưu tiên; thủ tục và hồ sơ đăng ký xét tuyển; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào; lệ phí tuyển sinh; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; kế hoạch tuyển sinh; thông báo tuyển sinh; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; khen thưởng, kỷ luật; tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh; Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh; tổ chức phúc tra; xác định kết quả trúng tuyển; triệu tập thí sinh trúng tuyển; kiểm tra kết quả trúng tuyển của thí sinh trúng tuyển; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh; xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh; khen thưởng, xử lý cán bộ làm công tác tuyển sinh vi phạm; trách nhiệm của thí sinh trong kỳ tuyển sinh; xử lý thí sinh xét tuyển vi phạm quy chế; chế độ báo cáo; chế độ lưu trữ.

Điều 2. Ngành, nghề đào tạo

Theo giấy phép số 94/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30/9/2021 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, trường Cao đẳng Sơn La được tổ chức đào tạo các ngành, nghề cụ thể như sau:

1. Trình độ Cao đẳng

- Nhóm ngành, nghề xét tuyển với tổ hợp môn: **Toán học, Vật lý, Hóa học**

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề
1	Công nghệ thông tin	6480201
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303
3	Kế toán doanh nghiệp	6340302
4	Quản lý đất đai	6850102

- Nhóm ngành, nghề xét tuyển với tổ hợp môn: **Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý**

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề
5	Khoa học thư viện	6320206
6	Văn thư hành chính	6320301
7	Quản trị văn phòng	6340403
8	Quản lý văn hóa	6340436
9	Pháp luật về quản lý hành chính công	6380102

10	Công tác xã hội	6760101
11	Hướng dẫn du lịch	6810103
12	Quản trị khách sạn	6810201

- Nhóm ngành, nghề xét tuyển với tổ hợp môn: **Toán học, Hóa học, Sinh học**

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề
13	Lâm sinh	6620202
14	Chăn nuôi – Thú y	6620120
15	Lâm nghiệp	6620201
16	Bảo vệ môi trường đô thị	6850104
17	Quản lý tài nguyên rừng	6620207

2. Trình độ Trung cấp

- Nhóm ngành, nghề xét tuyển với tổ hợp môn: **Toán học, Vật lý, Hóa học**

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề
1	Kế toán Doanh nghiệp	6340302
2	Nghiệp vụ bán hàng	5340119
3	Tin học ứng dụng	5480205
4	Điện - nước	5580212
5	Quản lý đất đai	5850102
6	Kế toán hành chính sự nghiệp	5340307
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303

- Nhóm ngành, nghề xét tuyển với tổ hợp môn: **Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý**

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề
8	Văn thư hành chính	5320301
9	Pháp luật về QLHC công	5380102
10	Quản trị khách sạn	5810201
11	Thư viện – Thiết bị trường học	5320207
12	Hành chính văn phòng	5320301
13	Công tác xã hội	5760101
14	Hướng dẫn viên du lịch	5810103

- Nhóm ngành, nghề xét tuyển với tổ hợp môn: **Toán học, Hóa học, Sinh học**

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề
15	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111
16	Trồng trọt	5620110
17	Trồng cây ăn quả	5620115
18	Bảo vệ môi trường đô thị	5850104

19	Quản lý tài nguyên rừng	5620207
20	Khuyến nông lâm	5620122
21	Lâm sinh	5620202
22	Chăn nuôi – Thú y	5620120

Chương II QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

Điều 3. Thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh: Hàng năm nhà trường tuyển sinh từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 12.

2. Đối tượng tuyển sinh

a. Đối với trình độ trung cấp: Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông (THCS, THPT) và tương đương trở lên.

b. Đối với trình độ cao đẳng

- Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương.

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Người có bằng tốt nghiệp Trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.

c. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (*nếu dùng ngân sách nhà nước đi học*) đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được xét tuyển khi đã được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đồng ý và đảm bảo điều kiện được quy định tại điểm a và b Khoản 2 điều này.

d. Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường Cao đẳng Sơn La căn cứ kết quả học tập ở THPT hoặc tương đương trở lên của thí sinh (*bảng điểm, văn bằng, chứng chỉ minh chứng*) và Chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Việt bậc 4 đã được các trường cấp, Hội đồng tuyển sinh trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

3. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

4. Khu vực tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước và các tỉnh của nước CHDCND Lào.

Điều 4. Chính sách ưu tiên tuyển sinh và chế độ được hưởng

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng, khu vực: Quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTĐ ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng (phụ lục 01).

2. Các chế độ, cụ thể người học tại trường Cao đẳng Sơn La được hưởng Được bố trí chỗ ở trong khu nội trú; được hưởng học bổng chính sách, học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ vay vốn tín dụng để học tập theo quy định hiện hành của Nhà nước:

a. Được miễn học phí đối với học sinh tốt nghiệp THCS vào học trung cấp.

b. Được hưởng học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh là người dân tộc thiểu số với mức: **140.000đ/người/tháng** (*hưởng 12 tháng/năm*).

c. Học sinh được hưởng chế độ nội trú nếu thuộc các đối tượng sau:

- Nếu học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; cận nghèo; người khuyết tật hoặc học sinh là người dân tộc La Ha sẽ được hưởng mức tiền là: **1.490.000đ/người/tháng**. (*hưởng 12 tháng/năm*).

- Nếu học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường Phổ thông dân tộc nội trú; học sinh người dân tộc Kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới sẽ được hưởng mức tiền là: **1.192.000đ/người/tháng** (*hưởng 12 tháng/năm*).

- Nếu học sinh, sinh viên là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo; cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới sẽ được hưởng mức tiền là: **894.000đ/người/tháng** (*hưởng 12 tháng/năm*).

Ngoài ra, học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Sơn La được hưởng hỗ trợ của tỉnh như sau:

d. Khuyến khích 01 lần **1.000.000đ/người** cho học sinh học trung cấp; **2.000.000đ/người** cho học sinh, sinh viên học cao đẳng là người dân tộc Mông, Dao, Khơ Mú, La Ha, Kháng, Xinh Mun, Lào; con liệt sỹ; con thương binh hạng 1/4 (*nếu là học sinh nữ được hưởng thêm 1.000.000đ*).

e. Học sinh, sinh viên không thuộc diện được hưởng chế độ hỗ trợ trong mục (*điểm c khoản 2 điều này*) thì được tỉnh hỗ trợ cụ thể như sau:

- Là người dân tộc thiểu số được hưởng **447.000đ/tháng** (*được hưởng 11 tháng/năm*).

- Học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú tại các xã, bản thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; hoặc là người dân tộc Mông, Dao, Kháng, Khơ Mú, Sinh Mun, Lào được hưởng **596.000đ/tháng** (*được hưởng 11 tháng/năm*).

f. Khi mức hỗ trợ nêu trên được điều chỉnh bởi các văn bản mới, người học sẽ được thụ hưởng theo các quy định mới.

Điều 5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

1. Học lực: Điểm trung bình chung tổ hợp các môn xét tuyển đạt 5.0 trở lên (lớp 12 đối với trình độ cao đẳng, lớp 9 đối với trình độ trung cấp). Đối với người học tốt nghiệp trình độ trung cấp phải học và đạt các môn VHPT theo quy định.

2. Hạnh kiểm: Đạt từ loại khá trở lên.

Điều 6. Lệ phí tuyển sinh: Thực hiện thu theo quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền và quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường.

Điều 7. Thủ tục và hồ sơ đăng ký, thời gian nhận hồ sơ

1. Đăng ký xét tuyển (viết tắt là ĐKXT)

- a. Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh của trường, thí sinh ĐKXT vào ngành, nghề học của trường phù hợp với nguyện vọng, khả năng và điều kiện của mình;
- b. Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển vào một hoặc nhiều ngành, nghề do trường tuyển sinh thông qua phiếu đăng ký tuyển sinh;

Phiếu đăng ký xét tuyển và túi hồ sơ được nhà trường in sẵn và phát cho các thí sinh có nhu cầu xét tuyển vào trường. Thí sinh liên hệ Trung tâm Tuyển sinh - Hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm của nhà trường để nhận hồ sơ. Ngoài ra, phiếu đăng ký xét tuyển được đăng trên website (www.cdsonla.edu.vn) của nhà trường.

2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- a. Trình độ trung cấp gồm:
 - Phiếu đăng ký xét tuyển trung cấp (*có mẫu kèm theo*).
 - Bản sao có chứng thực hợp lệ học bạ THCS hoặc tương đương; Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng tốt nghiệp (*giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời*) THCS hoặc tương đương.
 - Bản sao chứng thực hợp lệ các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).
 - 02 phong bì dán sẵn tem có ghi rõ địa chỉ báo tin của thí sinh.
- b. Trình độ cao đẳng gồm:
 - Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; (*có mẫu kèm theo*).
 - Bản sao có chứng thực hợp lệ học bạ THPT hoặc tương đương; Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng tốt nghiệp (*giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời*) THCS, THPT, trung cấp hoặc tương đương.
 - Bản sao chứng thực hợp lệ các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).
 - 02 phong bì dán sẵn tem có ghi rõ địa chỉ báo tin của thí sinh.
- c. Đối với người học tốt nghiệp trình độ trung cấp đăng ký xét tuyển học cao đẳng:
 - Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; (*có mẫu kèm theo*).
 - Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng trung cấp và giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.
 - Bản sao chứng thực hợp lệ các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).
 - 02 phong bì dán sẵn tem có ghi rõ địa chỉ báo tin của thí sinh.
- d. Đối với người học là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động
 - Quyết định cử đi học của đơn vị hoặc văn bản tương đương và đảm bảo điều kiện được quy định tại điểm a, b và c Khoản 2 điều này.
- e. Đối với học sinh người nước ngoài (Lưu học sinh Lào)
Một (01) bộ hồ sơ bằng tiếng Lào và bản dịch bằng tiếng Việt gồm các các giấy tờ sau:
 - Quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền (bộ và tỉnh);

- Chứng chỉ tiếng Việt tương đương **B2** (bậc 4/6) trở lên theo khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015;
- Bản sao có chứng thực hợp lệ học bạ THPT hoặc tương đương; Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng tốt nghiệp.
- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; (*Theo mẫu Phụ lục I, Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25/02/2014*).
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo;
- Ảnh 4x6 (04 ảnh);
- Bản sao Hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam.

3. Thủ tục nộp hồ sơ ĐKXT: Thí sinh nộp hồ sơ thực hiện trong 5 cách sau:

- a. Nộp trực tiếp tại trường THPT, THCS thí sinh đang theo học.
- b. Nộp trực tiếp tại Trung tâm TS-HN>VL Trường Cao đẳng Sơn La.
- c. Nộp qua Bru điện.
- d. Đăng ký trực tuyến trên website www.cdsonla.edu.vn.
- e. Đăng ký trực tuyến trên website <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn>.

Điều 8. Điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh

1. Nhân lực: Trường tổ chức các nhóm tư vấn tuyển sinh có tính chuyên nghiệp cao, huy động viên chức, giảng viên có trình độ, hiểu biết về ngành, nghề, Quy chế tuyển sinh; đồng thời hợp tác với các cán bộ tuyển sinh của các trường THPT, THCS trong và ngoài tỉnh Sơn La.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị: Trường liên kết sử dụng các hội trường của các Trường THPT, THCS, tại Trường Cao đẳng Sơn La... để tổ chức tư vấn tuyển sinh. Trường sử dụng các phương tiện như Đài truyền hình tỉnh Sơn La, Đài phát thanh các huyện, xã để thông tin tuyên truyền tuyển sinh bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc; sử dụng Website, Facebook, bảng tin của trường và các trường để đưa tin tuyển sinh; Trường sử dụng công nghệ thông tin để sắp xếp hồ sơ tuyển sinh, làm giấy báo trúng tuyển và gọi thí sinh nhập học.

Điều 9. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

1. Căn cứ Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành và giúp việc liên quan đến công tác tuyển sinh:

2. Thành phần HĐTS gồm: Chủ tịch (Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng); Phó Chủ tịch (Phó Hiệu trưởng); Ủy viên thường trực (Giám đốc Trung tâm TS-HN>VL hoặc Trưởng phòng Đào tạo); Các ủy viên (Trưởng các phòng Đào tạo hoặc Giám đốc Trung tâm TS-HN>VL, P. CT HSSV, P. KT&ĐBCL, P. KH-TC, P. TC-HC, P. QTTB và Trưởng một số đơn vị có liên quan).

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

- a. Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn.
- b. Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.

- c. Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh theo quy định.
- d. Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.
- e. Tổ chức thực hiện phần mềm tuyển sinh thống nhất của trường; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS

a. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường; báo cáo Hiệu trưởng tình hình thực hiện và kết quả công tác tuyển sinh của trường sau mỗi đợt tuyển sinh.

b. Báo cáo với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác tuyển sinh của trường theo quy định.

c. Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS trường để triển khai công tác tuyển sinh, gồm: Ban Thư ký và các Ban khác (nếu có) do Chủ tịch HĐTS quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS. Cơ cấu, số lượng, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các ban giúp việc của HĐTS do Chủ tịch HĐTS trường quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS. Các Ban chuyên môn của trường được thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh do Hiệu trưởng ban hành và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường.

5. Phó Chủ tịch HĐTS thường trực

Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

Điều 10. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban thư ký HĐTS

- a. Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm.
- b. Các ủy viên: Một số cán bộ Trung tâm TS-HN>VL, Phòng Đào tạo, Công tác HSSV, KT&ĐBCL, Kế hoạch – Tài chính.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS của trường tuyển sinh bằng phương thức xét tuyển

- a. Tổ chức nhận hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển.
- b. Nhập và rà soát thông tin đăng ký xét tuyển vào phần mềm tuyển sinh của trường.
- c. Cập nhật và công bố công khai thông tin đăng ký xét tuyển của thí sinh.
- d. Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định.
- e. Lập danh sách thí sinh trúng tuyển.
- f. In và gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển.
- g. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định.
- h. Được quyền đề xuất với Hiệu trưởng, chủ tịch HĐTS để thay đổi các nội dung trong quy chế tuyển sinh của trường bằng phương thức xét tuyển cho phù hợp với tình hình thực tế của từng thời điểm tuyển sinh.

i. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 11. Kế hoạch tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh

1. Xây dựng Kế hoạch tuyển sinh

Trung tâm Tuyển sinh - Hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm là đơn vị chủ trì, phối hợp với phòng Đào tạo, các đơn vị liên quan tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng Quy chế tuyển sinh, Kế hoạch tổng thể công tác tuyển sinh, tham mưu ban hành Quyết định thành lập HĐTS và các Ban giúp việc cho HĐTS hàng năm.

Kế hoạch cần nêu rõ các nội dung cơ bản: ngành/nghề tuyển sinh (tên ngành, mã ngành, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển); phương thức xét tuyển; thời gian tiếp nhận hồ sơ; các đợt xét tuyển và tiến độ thực hiện các nội dung cụ thể trong công tác tuyển sinh; các nội dung khác theo yêu cầu cụ thể của Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS.

2. Thông báo tuyển sinh, nhận hồ sơ đăng ký

a. Công tác thông tin tuyên truyền và thông báo tuyển sinh của nhà trường được thực hiện đa dạng bằng nhiều hình thức khác nhau: thông báo trên Website nhà trường (www.cdsonla.edu.vn), mạng xã hội (Fanpage Diễn đàn – Trường Cao đẳng Sơn La hoặc Facebook, Zalo của các tổ chức đoàn thể trực thuộc và CBVC, HSSV nhà trường); in khổ lớn nền bạt treo tại các xã, các trường THCS, THPT, Trung tâm GDTX; in và phát tờ rơi; thông tin qua Đài phát thanh – Truyền hình của tỉnh (bằng cả tiếng dân tộc thiểu số); tổ chức các đoàn công tác Tuyên truyền tuyển sinh tới các trường THCS, THPT, Trung tâm GDTX tại các Huyện, Thành phố....

b. Nội dung thông báo, thông tin tuyển sinh gồm: ngành/nghề tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng (tên ngành/nghề, mã tuyển sinh, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển); hình thức; đối tượng; ngày và nơi nhận hồ sơ; các chế độ ưu tiên, ưu đãi đối với thí sinh và một số thông tin khác.

c. Trung tâm Tuyển sinh – Hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm chủ trì, phối hợp với Phòng TC-HC tham mưu cho BGH, HĐTS thực hiện các nội dung cụ thể về thông báo, thông tin tuyên truyền tuyển sinh và triển khai thu nhận hồ sơ.

Điều 12. Xác định kết quả trúng tuyển

1. Căn cứ số lượng chỉ tiêu được xác định theo quy định; căn cứ thống kê kết quả tuyển sinh; căn cứ quy định khung điểm ưu tiên (nếu có), Ban Thư ký HĐTS dự kiến một số phương án xét tuyển để trình Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS trường xem xét, quyết định.

2. Tiêu chí xét tuyển:

a. Đối với trình độ Cao đẳng

- Người học đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

+ Xét điểm học bạ lớp 12 bậc THPT hoặc hệ GDTX bậc THPT với kết quả 03 môn học theo tổ hợp xét tuyển từng ngành, nghề.

+ Nguyên tắc xét tuyển căn cứ vào điểm xét tuyển và chính sách ưu tiên để xếp hạng và xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu từng ngành, nghề theo công thức: $\mathbf{ĐXH = ĐXT + UTĐT + UTKV}$, trong đó: **ĐXH**: Điểm xếp hạng; **ĐXT**: Điểm xét

tuyển (điểm tổng kết 03 môn lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển); **UTĐT**: Điểm ưu tiên đối tượng; **UTKV**: Điểm ưu tiên khu vực.

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Xét điểm học bạ lớp 12 bậc THPT hoặc hệ GDTX bậc THPT. Bảng điểm, giấy chứng nhận hoàn thành các môn văn hóa bậc THPT (có điểm đánh giá) do cơ sở đào tạo cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với kết quả 03 môn học theo tổ hợp xét tuyển từng ngành, nghề.

+ Nguyên tắc xét tuyển căn cứ vào điểm xét tuyển và chính sách ưu tiên để xếp hạng và xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu từng ngành, nghề theo công thức: **ĐXH = ĐXT + UTĐT + UTKV**, trong đó: **ĐXH**: Điểm xếp hạng; **ĐXT**: Điểm xét tuyển (điểm tổng kết 03 môn lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển); **UTĐT**: Điểm ưu tiên đối tượng; **UTKV**: Điểm ưu tiên khu vực.

- Người học là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: áp dụng một trong hai tiêu chí xét tuyển trên.

- Người học là học sinh người nước ngoài: được ưu tiên xét trong tổng chỉ tiêu được giao và đảm bảo: đạt trình độ tiếng Việt bậc 4 trở lên (có chứng chỉ hoặc do nhà trường kiểm tra), đã tốt nghiệp THPT và tương đương.

Ghi chú: Trường hợp thừa chỉ tiêu trong cùng ngành/ngành mà thí sinh đăng ký điểm xét tuyển xác định như sau:

* Với các ngành/ngành xét tổ hợp môn: Toán học, Vật Lý, Hóa học hoặc tổ hợp Toán học, Hóa học, Sinh học thì lấy điểm môn Toán học (nếu vẫn bằng điểm nhau thì xét điểm môn Hóa học) lấy điểm từ cao xuống đến khi đủ chỉ tiêu.

* Với các ngành/ngành xét tổ hợp môn: Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lý thì lấy điểm môn Ngữ Văn để làm căn cứ xét tuyển (nếu vẫn bằng điểm nhau thì xét điểm môn Lịch sử) lấy điểm từ cao xuống đến khi đủ chỉ tiêu.

b. Đối với trình độ Trung cấp

- Đã tốt nghiệp THCS trở lên.

- Xét điểm học bạ lớp 9 bậc THCS, THPT với kết quả 3 môn học theo tổ hợp xét tuyển từng ngành, nghề.

- Nguyên tắc xét tuyển Căn cứ vào điểm xét tuyển và chính sách ưu tiên để xếp hạng và xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu từng ngành/ngành theo Công thức: **ĐXH = ĐXT + UTĐT + UTKV**, trong đó: **ĐXH**: Điểm xếp hạng; **ĐXT**: Điểm xét tuyển (điểm tổng kết 3 môn học lớp 9 theo tổ hợp xét tuyển); **UTĐT**: Điểm ưu tiên đối tượng; **UTKV**: Điểm ưu tiên khu vực.

3. Khi số thí sinh trúng tuyển đến trường nhập học không đủ, trường có thể hạ tiêu chuẩn xét tuyển hoặc tuyển bổ sung bằng các lần tuyển sinh tiếp theo cho đến khi đủ chỉ tiêu. Việc hạ tiêu chuẩn xét tuyển và tuyển sinh các đợt tiếp theo do Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS quyết định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS và phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

4. Nếu số thí sinh đến trường nhập học đủ so với chỉ tiêu đã xác định ở ngay đợt tuyển sinh tiếp theo, trường không nhận thêm hồ sơ ĐKXT dù vẫn còn các đợt tuyển sinh như đã thông báo trước đó và sẽ thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Tiêu chuẩn xét tuyển ở tất cả các đợt tuyển sinh của trường không nhất thiết phải bằng nhau và do Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS quyết định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS.

5. Đối với những ngành, nghề không tuyển đủ chỉ tiêu, sau khi đã xác định tiêu chuẩn xét tuyển ở mức cho phép theo yêu cầu đào tạo của trường mà vẫn còn thiếu số lượng, trường được phép lấy thí sinh xét tuyển vào trường mình nhưng không trúng tuyển vào những ngành, nghề khác, đồng thời đạt yêu cầu và tiêu chuẩn xét tuyển theo quy định của ngành, nghề còn thiếu số lượng và tự nguyện vào học ngành, nghề đó. Nếu số người đạt đủ tiêu chuẩn xét tuyển lớn hơn chỉ tiêu thì lấy theo tiêu chuẩn xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng theo một quy trình công khai.

6. Căn cứ các phương án xác định tiêu chuẩn xét tuyển của Ban Thư ký HĐTS đề xuất, trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS, Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS quyết định, chịu trách nhiệm và ký duyệt điều kiện trúng tuyển. Tiêu chuẩn trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển phải công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 13. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS trực tiếp xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển do Ban thư ký báo cáo và ký giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển tới nhập học. Trong giấy triệu tập cần ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh và những điều kiện cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Trước khi vào học chính thức, học sinh, sinh viên phải qua kỳ kiểm tra sức khỏe toàn diện do phòng Công tác HSSV tham mưu thực hiện. Việc khám sức khỏe phải theo hướng dẫn của liên Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Thí sinh trúng tuyển vào trường phải nộp những giấy tờ sau đây:

a. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp, học bạ THPT (bổ túc THPT) hoặc THCS (tùy theo đối tượng xét tuyển);

b. Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp để đối chiếu, kiểm tra;

c. Bản sao hợp lệ giấy khai sinh, hộ khẩu thường trú;

d. Bản sao hợp lệ các giấy tờ minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định (thực hiện theo phụ lục 01, Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội);

đ. Giấy triệu tập trúng tuyển (hoặc giấy báo nhập học).

Các giấy tờ quy định tại Điểm a, b, c, d và đ của Khoản này được phòng Công tác HSSV dùng để quản lý và kiểm tra, đối chiếu với bản chính khi cần thiết.

4. Những thí sinh đến nhập học chậm sau 15 ngày so với ngày yêu cầu có mặt ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển thì trường không tiếp nhận. Nếu đến chậm trong những trường hợp bất khả kháng như: do ốm, đau, tai nạn, thiên tai có giấy xác nhận của bệnh viện cấp huyện trở lên hoặc của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Trung tâm Tuyển sinh – Hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm và phòng Công tác HSSV xem xét tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học khóa học kế tiếp sau.

5. Những thí sinh trúng tuyển, nếu địa phương giữ lại không cho đi học có quyền khiếu nại lên các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 14. Kiểm tra kết quả xét tuyển của thí sinh trúng tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Sau kỳ tuyển sinh, phòng Công tác HSSV và Ban thanh tra do Hiệu trưởng thành lập, phải tiến hành kiểm tra kết quả xét tuyển của tất cả thí sinh đã trúng tuyển vào trường ở tất cả các khâu, đồng thời kiểm tra, đối chiếu với bản chính các loại giấy tờ của thí sinh. Nếu phát hiện thấy các trường hợp vi phạm quy chế hoặc các trường hợp nghi vấn, cần lập biên bản kiến nghị Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS có biện pháp xác minh, xử lý.

2. Khi thí sinh đến nhập học, bộ phận tiếp sinh phải tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Quy chế này.

3. Trong quá trình học sinh, sinh viên đang theo học nếu có khiếu nại, tố cáo trường phải thanh tra, kiểm tra hồ sơ và kết quả thi của thí sinh theo quy định.

Điều 15. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh

1. Xử lý các dữ liệu đăng ký tuyển sinh trực tuyến trên trang thông tin tuyển sinh của trường hoặc trên ứng dụng “Chọn nghề” của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Nhập dữ liệu từ hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh, nhập dữ liệu về kết quả sơ tuyển (nếu có).

3. Tổ chức, quản lý quá trình xét tuyển trên phần mềm máy tính.

4. In giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả thi của thí sinh.

5. Cập nhật thông tin đăng ký xét tuyển và công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 16. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a. Hội đồng tuyển sinh của trường.

b. Thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a. Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại Khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b. Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a. Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b. Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;

c. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh;

d. Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 17. Tổ chức phúc tra: (Thực hiện theo quy định tại điều 9, Thông tư 05/2021/TT-BLĐTĐ ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Điều 18. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng: Người có nhiều đóng góp, tích cực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển sinh được giao, tùy theo thành tích cụ thể, được Hiệu trưởng khen thưởng theo Quy định thi đua, khen thưởng của nhà trường.

2. Kỷ luật: Người tham gia công tác tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau kỳ thi tuyển sinh), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị nhà trường (thông qua Phòng TC-HC) áp dụng quy định tại Luật viên chức và Luật cán bộ, công chức; các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 19. Quyền và trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng trường có quyền quyết định số lần tuyển sinh trong năm và hình thức tuyển sinh của trường.

2. Hiệu trưởng trường tổ chức xây dựng quy chế tuyển sinh của trường và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3. Các hình thức xử lý vi phạm do Hiệu trưởng quyết định xử lý theo quy định tại Quy chế tuyển sinh của trường và quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của thí sinh trong kỳ tuyển sinh

1. Khai chính xác, nộp đủ hồ sơ và lệ phí tuyển sinh về trường ĐKXT trong thời gian quy định của trường, đồng thời có mặt đúng thời gian quy định tại trường ĐKXT khi có yêu cầu.

2. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong phiếu ĐKXT. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong phiếu ĐKXT với hồ sơ gốc.

3. Có trách nhiệm phát hiện, tố giác những hiện tượng vi phạm Quy chế tuyển sinh để HĐTS xử lý kịp thời.

Điều 21. Xử lý thí sinh xét tuyển vi phạm quy chế

Đối với những thí sinh xét tuyển vi phạm quy chế đều phải lập biên bản và tùy mức độ nặng nhẹ bị xử lý kỷ luật theo các quy định tại quy chế này, đồng thời tùy theo mức độ vi phạm, có thể bị xử lý bằng các hình thức khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Tùy theo mức độ vi phạm, Hiệu trưởng quyết định xử lý kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ, tước quyền vào học... theo quy định tại Quy chế tuyển sinh của trường và không trái với các quy định hiện hành.

Điều 22. Chế độ báo cáo

Trường gửi báo cáo kết quả tuyển sinh vào phần mềm <http://qltuyensinh.gdnn.gov.vn> và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 25 hàng tháng. Báo cáo 6 tháng và cuối năm theo yêu cầu của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

Điều 23. Chế độ lưu trữ

Các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trường phải bảo quản, lưu trữ, hủy tài liệu hết giá trị theo quy định của Luật lưu trữ./.

PHỤ LỤC 01

CÁC CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành.

- Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề dự thi hay đăng ký xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định;

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Chính sách tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng; tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa

vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi Olympic, hội thi khoa học kỹ thuật, thi chọn học sinh giỏi từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng học trình độ trung cấp và đoạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải khuyến khích trở lên trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, được tuyển thẳng vào cao đẳng theo đúng ngành, nghề hoặc gần ngành, nghề của môn mà thí sinh đã đoạt giải. Nếu thí sinh chưa tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở sẽ được bảo lưu sau khi tốt nghiệp;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp trung học là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các giải thi đấu thể dục, thể thao từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp thể dục, thể thao hoặc các ngành thể dục, thể thao của các trường theo quy định của từng trường;

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi nghệ thuật từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ trung cấp của các trường năng khiếu, nghệ thuật theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hay xét tuyển vào trường.

e) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành, nghề đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

g) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường cao đẳng, trung cấp Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp trung học phổ thông tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định hiện hành; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

i) Người có bằng trung cấp loại giỏi trở lên và người có bằng trung cấp loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo ngành, nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản

2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào cùng ngành, nghề trình độ cao đẳng;

k) Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề quốc gia đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải ở trình độ cao đẳng;

l) Thí sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông (hoặc tương đương) có hạnh kiểm xếp loại khá trở lên, thuộc một trong các đối tượng sau đây được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên;

+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ.

3. Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào học trình độ cao đẳng

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, các kỳ thi tay nghề quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học phổ thông, hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng của các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban Thể dục thể thao có quyết định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tốt nghiệp trung học phổ thông được ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng thể dục thể thao hoặc các ngành thể dục thể thao tương ứng của các trường;

c) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc được trường ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày thi tuyển sinh vào trường.

d) Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp trực tiếp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ của trường.

4. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền được tuyển thẳng nếu dự tuyển theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển được ưu tiên cộng điểm theo quy định của trường vào tổng điểm các môn dự tuyển của thí sinh.

Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ theo quy định của nhà trường.

5. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học phổ thông (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp

ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh;

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Học sinh các trường, lớp dự bị;

- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học trung học phổ thông hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành nếu học trung học phổ thông (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên;

- Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học trung học phổ thông/trung học cơ sở hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành;

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).;

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) đối với thang điểm 10./.

PHỤ LỤC 02

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Năm:

I Thông tin cá nhân

1 Họ và tên*:

2 Ngày tháng năm sinh*:

3 Giới tính Nam Nữ

THCS THPT

4 Trình độ văn hóa*:

5 Email:

6 Điện thoại liên hệ*:

7 Địa chỉ liên hệ*:

8 Đối tượng ưu tiên (nếu có):

II Thông tin đăng ký học

9 Tên trường*: Trường Cao đẳng Sơn La Mã số: CDD1402

10 Tên ngành/nghề học*:

- Ngành/nghề 1: Mã ngành/nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp Cao đẳng

- Ngành/nghề 2: Mã ngành/nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp Cao đẳng

- Ngành/nghề 3: Mã ngành/nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp Cao đẳng

....., ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

HƯỚNG DẪN

Ghi Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp

Thí sinh ghi đầy đủ các nội dung từ mục 1 đến mục 10 (nội dung có ký tự (*) là phần bắt buộc phải có) và lưu ý một số nội dung sau:

1. **Mục 1, 2:** Ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh theo học bạ (hoặc theo Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu nếu có);

2. **Mục 4:** Nếu đã tốt nghiệp THCS, THPT thì đánh dấu vào ô thích hợp. Nếu đang học thì ghi rõ lớp đang học (Ví dụ: Đang học lớp 12; đang học lớp 9).

3. **Mục 6:** Ghi số điện thoại của người nhận giấy báo và số điện thoại của thí sinh (nếu có), số điện thoại của thí sinh ghi sau số điện thoại của người nhận giấy báo;

4. **Mục 7:** Ghi rõ tên người nhận và địa chỉ của người nhận giấy báo. Địa chỉ phải đầy đủ: Số nhà, đường, phố, thôn (bản), xã (phường), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

5. **Mục 9:** Thí sinh ghi chính xác tên trường muốn học kèm theo Mã số trường. Mỗi Phiếu đăng ký dự tuyển chỉ đăng ký ở một trường cụ thể.

6. Mục 10:

* Thí sinh tìm hiểu về ngành nghề đào tạo, trường đào tạo trước khi đăng ký. Có 3 cách cơ bản để tìm hiểu về những thông tin trên như sau:

(1) Tham khảo sách “Những điều cần biết về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp” được phát hành hàng năm trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Địa chỉ: <http://gdn.gov.vn>);

(2) Truy cập website: <http://tuyensinh.gdn.gov.vn/>, tìm kiếm theo từng tỉnh để biết về các trường và các nghề đào tạo của trường;

(3) Cài đặt ứng dụng “**Chọn nghề**” trên thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại Smartphone,...) để tìm hiểu về ngành nghề, về trường học.

Trường hợp không biết chính xác mã nghề có thể bỏ trống.

Theo cách (2) và (3), thí sinh có thể đăng ký tuyển sinh trực tuyến và có thể đăng ký từ 1 đến 3 nguyện vọng (3 ngành nghề).

* Về trình độ đào tạo: Đánh dấu (x) vào ô phù hợp:

- Trình độ trung cấp: Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên;

- Trình độ cao đẳng: Đối tượng tuyển sinh:

(1) Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

(2) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật về giáo dục./.

PHỤ LỤC 03

MẪU BÁO CÁO SỐ LIỆU TUYỂN SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

BÁO CÁO SỐ LIỆU TUYỂN SINH

Thời điểm báo cáo: Ngày tháng năm

Đơn vị: Trường Cao đẳng Sơn La

Địa chỉ:

Điện thoại trường:

T	gành, nghề đào tạo	Kế hoạch tuyển sinh năm..... (theo đăng ký chỉ tiêu TS đầu năm)				Kết quả tuyển sinh																		
		ông số	Đ	C	C và đào tạo nghề nghiệp khác	ông số tuyển sinh các trình độ	T		Chia theo trình độ đào tạo															
							rong tổng số tuyển sinh:		CD				TC				SC và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác							
							ữ	ân tộc thiếu số/ít người	ong đó:	ong TC	ót nghiệp P THCS	ót nghiệp P THPT	ong đó:	ông SC và đào tạo nghề nghiệp khác	C	hương trình đào tạo nghề nghiệp khác	ong đó:							
ã ngành, nghề	ên ngành, nghề	1)=(2)+(3)+(4)	2)	3)	4)	5)=(8)+(13)+(18)	6)=(11)+(16)+(21)	7)=(12)+(17)+(22)	8)=(9)+(10)	9)	10)	11)	12)	13)=(14)+(15)	14)	15)	16)	17)	18)=(19)+(20)	19)	20)	21)	22)	
....	gành, nghề:																							
....	gành, nghề:																							
....																								
....																								
	ông cộng																							

Dán ảnh cỡ
4x6
Attach your
photo size 4x6

**PHIẾU ĐĂNG KÝ
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM
APPLICATION FORM**

FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM

*Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Viết họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.*

1	Họ/Family name	Tên đệm/Middle name	Tên/First name
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day. tháng/month năm/year.	
3	Giới tính/Gender:	<input type="checkbox"/> Nam/Male	<input type="checkbox"/> Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City. Nước/Country.	
5	Quốc tịch/Nationality:	
6	Nghề nghiệp/Occupation:	
7	Tôn giáo/Religion:	
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number	Nơi cấp/Place of issue
		Ngày cấp/Date of issue	Ngày hết hạn/Expiry date
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	<input type="checkbox"/> Độc thân/Single <input type="checkbox"/> Đã kết hôn/Married <input type="checkbox"/> Ly đị/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:	
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:	
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/Home phone number in your home country:	

13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:	
	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship
	Địa chỉ nơi ở/Residential address	Nơi làm việc/Place of work
	Điện thoại/Phone number	Email

14	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications

..	
.....	
..	
15	Quá trình công tác/Employment record:			
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:		
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:		
	Mô tả công việc/Job Description:		
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:		
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:		
16	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:			
	<input type="checkbox"/> Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		<input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:			
	Tên các trường đã học/Names of institutions attended:		
Tổng thời gian đã học/Total length of study:	 giờ/hours tháng/months năm/years		

	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address
	1.....
	2.....
25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: <input type="checkbox"/> Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship <input type="checkbox"/> Học bổng khác/Other Scholarship <input type="checkbox"/> Tự túc kinh phí/Self-funding		
26	<p style="text-align: center;">Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam.</p> <p style="text-align: center;">I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.</p>		
Ngày/Daytháng/monthnăm/year Ký tên/Applicant's signature:			

Danh mục hồ sơ/Document Checklist
<p><i>Mỗi ứng viên cần nộp 01 bộ gồm các tài liệu (in trên giấy khổ A4) liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch hợp lệ sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký không trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.</i></p> <p><i>Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.</i></p>
<input type="checkbox"/> 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin/Completed application form. <input type="checkbox"/> 2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo. Copies and translation of degrees, diplomas and academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.

- 3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.
- 4. Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).
Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
- 5. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
Copies of financial guarantee to support study, research and living in Vietnam.
- 6. Đề cương nghiên cứu (đối với nghiên cứu sinh) hoặc kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh).
Research proposal (for PhD applicants) or Plan of practical training (for Internship applicants).
- 7. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ (đối với nghiên cứu sinh).
Letters of Recommendation provided by 02 researchers or academics who hold doctorate degrees and have similar fields of research (applicable to PhD applicants).
- 8. Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu,... (nếu có).
Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements, ... (if any).
- 9. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.
Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.